VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 126/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2018*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam); trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được thành lập theo điều ước quốc tế về việc thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

2. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được thành lập không theo điều ước quốc tế.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam là tên gọi chung của tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận trong lĩnh vực văn hóa và một số lĩnh vực khác liên quan được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cho phép, do tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi là bên nước ngoài) thành lập hoặc tham gia thành lập và tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Người quản lý và nhân viên của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam là công dân của nước đặt trụ sở cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được cử, tuyển dụng đến làm việc tại Việt Nam; công dân Việt Nam và công dân nước thứ ba được tuyển dụng.

3. Người đại diện theo pháp luật của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam là công dân nước đặt trụ sở cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam, chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

4. Trụ sở là địa điểm của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

5. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được đặt tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác ngoài nơi đặt trụ sở của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

6. Giấy chứng nhận đăng ký là văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được thành lập và hoạt động theo điều ước quốc tế.

7. Giấy phép là văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cho phép thành lập và hoạt động đối với cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được thành lập không theo điều ước quốc tế.

8. Giấy chứng nhận là văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cho phép thành lập và hoạt động đối với chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam chỉ được hoạt động sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép. Chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam chỉ được hoạt động sau khi có Giấy chứng nhận. Mọi hoạt động của cơ sở

văn hóa nước ngoài và chi nhánh tại Việt Nam phải phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép, Giấy chứng nhận.

2. Trong quá trình hoạt động, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phong tục, tập quán, văn hóa của Việt Nam; không được phép cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sử dụng danh nghĩa, cơ sở vật chất của mình để chống lại nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc làm phương hại đến lợi ích hợp pháp của nước khác.

3. Trong trường hợp hoạt động trong các lĩnh vực khác có liên quan, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam đối với lĩnh vực đó.

4. Mọi hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam trong quá trình hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đều bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II
CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ VĂN HÓA NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Dự kiến cơ cấu tổ chức và bộ máy;

c) Dự thảo Quy chế hoạt động;

d) Lý lịch người được dự kiến bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật.

Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt đã được công chứng.

2. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Bên nước ngoài đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho bên nước ngoài để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký:

a) Nếu điều ước quốc tế có quy định về thời hạn hiệu lực, thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký được căn cứ theo thời hạn hiệu lực của điều ước quốc tế đó và được gia hạn theo quy định tại Điều 7 Nghị định này;

b) Nếu điều ước quốc tế không quy định về thời hạn hiệu lực, thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký là 05 năm và được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

1. Giấy chứng nhận đăng ký được cấp lại theo một trong các trường hợp sau:

a) Bị rách, hỏng hoặc bị mất;

b) Thay đổi về tên gọi, địa điểm trụ sở, người đại diện theo pháp luật hoặc nội dung hoạt động khi điều ước quốc tế có điều chỉnh.

2. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký (đối với trường hợp bị rách, hỏng);

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký có công chứng và các tài liệu chứng minh việc thay đổi (đối với trường hợp được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.

3. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam kể từ khi có Giấy chứng nhận đăng ký đến thời điểm đề nghị gia hạn.

Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.

2. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Ít nhất 45 ngày làm việc, trước ngày Giấy chứng nhận đăng ký hết thời hạn, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 8. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

1. Bên nước ngoài được phép thành lập cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có tôn chỉ, mục đích hoạt động rõ ràng;

b) Có dự án thành lập cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

c) Có phương án đảm bảo tài chính cho hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

d) Có tư cách pháp nhân (đối với tổ chức).

2. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy chứng nhận tư cách pháp nhân (đối với tổ chức) hoặc lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (đối với cá nhân) được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Dự kiến cơ cấu tổ chức và bộ máy, dự thảo quy chế hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

d) Lý lịch tư pháp (hoặc văn bản có giá trị tương đương) của người dự kiến được bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước đặt cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam cấp và được hợp pháp hóa lãnh sự. Nếu người dự kiến được bổ nhiệm đã cư trú tại Việt Nam trên 06 tháng thì cần có lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt đã được công chứng.

3. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Bên nước ngoài đứng tên đề nghị cấp Giấy phép nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho bên nước ngoài để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, sau khi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan và được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Thời hạn Giấy phép:

Thời hạn Giấy phép là 05 năm và được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Điều 9. Hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

1. Giấy phép được cấp lại theo một trong các trường hợp sau:

a) Bị rách, hỏng hoặc bị mất;

b) Thay đổi về tên gọi, địa điểm trụ sở, người đại diện theo pháp luật;

c) Bổ sung nội dung hoạt động ghi trong Giấy phép.

2. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy phép (đối với trường hợp bị rách, hỏng);

c) Bản sao Giấy phép có công chứng và các tài liệu chứng minh việc thay đổi, bổ sung (đối với trường hợp theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này).

Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.

3. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ;

c) Đối với trường hợp được quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy phép;

d) Đối với trường hợp được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy phép sau khi lấy ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền gia hạn Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài kể từ khi có Giấy phép đến thời điểm đề nghị gia hạn.

Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.

2. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Ít nhất 45 ngày làm việc, trước ngày Giấy phép hết thời hạn, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu gia hạn Giấy phép nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gia hạn Giấy phép. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chương III
CHI NHÁNH CỦA CƠ SỞ VĂN HÓA NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 11. Điều kiện thành lập và hoạt động

1. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được thành lập chi nhánh khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đã hoạt động tại Việt Nam trong thời gian ít nhất 02 năm;

b) Tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của Việt Nam.

2. Chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam không có tư cách pháp nhân, chịu sự quản lý, điều hành và hoạt động theo ủy quyền của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị thành lập chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

c) Báo cáo kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép đến thời điểm đề nghị thành lập chi nhánh;

d) Lý lịch tư pháp (hoặc văn bản có giá trị tương đương) của người dự kiến được bổ nhiệm là người đứng đầu chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước đặt cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam cấp và được hợp pháp hóa lãnh sự. Nếu người dự kiến được bổ nhiệm đã cư trú tại Việt Nam trên 06 tháng thì cần có lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.

2. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt chi nhánh và các cơ quan liên quan. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

3. Thời hạn Giấy chứng nhận:

Thời hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh được áp dụng như Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 4 Điều 8 Nghị định này; bảo đảm không dài hơn thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận

1. Giấy Chứng nhận được cấp lại theo một trong các trường hợp sau:

a) Bị rách, hỏng hoặc bị mất;

b) Thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận.

2. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận (đối với trường hợp bị rách, hỏng);

c) Giấy chứng nhận và các tài liệu chứng minh việc thay đổi (đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.

3. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ;

c) Đối với trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Đối với trường hợp được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 14. Hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền gia hạn Giấy chứng nhận

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo kết quả hoạt động của chi nhánh kể từ khi có Giấy chứng nhận đến thời điểm đề nghị gia hạn.

Các văn bản trong hồ sơ nếu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.

2. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Ít nhất 45 ngày làm việc trước ngày Giấy chứng nhận hết thời hạn, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu gia hạn Giấy chứng nhận nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gia hạn Giấy chứng nhận. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ VĂN HÓA NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 15. Nội dung hoạt động

1. Tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật gồm: Triển lãm; biểu diễn nghệ thuật; chiếu phim; thi sáng tác nghệ thuật, tổ chức trại sáng tác; liên hoan, lễ hội; sự kiện nhân ngày lễ, ngày kỷ niệm; hội nghị, hội thảo, tham vấn, tọa đàm, diễn thuyết; câu lạc bộ; đào tạo về văn hóa, nghệ thuật.

2. Tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực khác có liên quan.

Điều 16. Tổ chức hoạt động

1. Đối với các hoạt động mà pháp luật Việt Nam quy định phải cấp phép, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Đối với các hoạt động không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Trong thời hạn ít nhất 10 ngày làm việc, trước khi tổ chức các hoạt động, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến tổ chức hoạt động;

b) Văn bản thông báo nêu rõ: thời gian, địa điểm, nội dung hoạt động, thành phần tham dự;

c) Trường hợp không đồng ý cho tổ chức hoạt động, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến tổ chức hoạt động phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

3. Định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam phải có báo cáo bằng văn bản về kết quả hoạt động trong năm tính đến hết ngày 30 tháng 11 của năm và kế hoạch hoạt động dự kiến cho năm tiếp theo, gửi đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở.

4. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

5. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt chi nhánh của cơ sở mình và nơi dự kiến tổ chức hoạt động về nội dung hoạt động và thời hạn ủy quyền cho chi nhánh. Chi nhánh chỉ được hoạt động theo nội dung và thời hạn được ủy quyền. Nội dung hoạt động của Chi nhánh không nằm ngoài nội dung hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép đã được cấp.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

1. Quyền của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:

a) Tổ chức hoạt động theo nội dung Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép;

b) Thuê đất, nhà để làm trụ sở và phương tiện, thiết bị để phục vụ hoạt động và sinh hoạt;

c) Mở tài khoản bằng ngoại tệ và bằng tiền Việt Nam tại ngân hàng thương mại;

d) Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển nhượng và thanh lý các phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động và sinh hoạt theo quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Tuyển dụng lao động là công dân Việt Nam và công dân nước thứ ba;

e) Thiết lập quan hệ với các cơ quan liên quan tại Việt Nam trong hoạt động của mình;

g) Trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, cơ sở văn hóa nước ngoài và chi nhánh tại Việt Nam, người quản lý và nhân viên được Nhà nước Việt Nam bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Nghĩa vụ của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:

a) Tổ chức hoạt động theo đúng nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép;

b) Tạo điều kiện cho người lao động Việt Nam tại cơ sở văn hóa nước ngoài và chi nhánh tại Việt Nam được tham gia các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

d) Không bảo lãnh, xin thị thực cho các đối tượng không phục vụ các hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

đ) Thông báo tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt chi nhánh và nơi dự kiến tổ chức các hoạt động về nội dung và thời hạn ủy quyền cho chi nhánh;

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và khi được yêu cầu.

Điều 18. Người đại diện theo pháp luật, người quản lý, nhân viên cơ sở văn hóa nước ngoài

1. Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở về người đại diện theo pháp luật, người quản lý và nhân viên cũng như thời gian bắt đầu và kết thúc làm việc của người đại diện theo pháp luật, người quản lý và nhân viên.

2. Người đại diện theo pháp luật, người quản lý và nhân viên của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam, bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con của người đại diện theo pháp luật, người quản lý và nhân viên có trách nhiệm tuân thủ luật pháp và các quy định của Việt Nam trong thời gian sinh sống, làm việc tại Việt Nam.

Điều 19. Đình chỉ hoạt động

1. Cơ sở văn hóa nước ngoài, chi nhánh tại Việt Nam bị đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được thành lập và hoạt động;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về văn hóa bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ hoạt động;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở văn hóa nước ngoài, chi nhánh được cho phép hoạt động trở lại sau khi khắc phục được vi phạm dẫn đến bị đình chỉ hoạt động.

3. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Sau khi hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động, cơ sở văn hóa nước ngoài, chi nhánh muốn tiếp tục hoạt động phải gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch văn bản thông báo kết quả khắc phục vi phạm và đề nghị cho phép hoạt động trở lại (văn bản bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt);

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kết quả khắc phục vi phạm và đề nghị cho phép hoạt động trở lại, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định cho phép cơ sở văn hóa nước ngoài, chi nhánh hoạt động trở lại. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 20. Chấm dứt hoạt động

1. Cơ sở văn hóa nước ngoài và chi nhánh tại Việt Nam tự chấm dứt hoạt động theo đề nghị của bên nước ngoài.

2. Cơ sở văn hóa nước ngoài và chi nhánh tại Việt Nam bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép, Giấy chứng nhận mà không làm thủ tục gia hạn theo quy định của Nghị định này;

b) Không có hoạt động trong thời hạn 12 tháng sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép, Giấy chứng nhận;

c) Hết thời hạn bị đình chỉ ghi trong quyết định đình chỉ hoạt động mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ;

d) Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này mà bị xử phạt vi phạm hành chính với hình thức tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép, Giấy chứng nhận hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Chi nhánh chấm dứt hoạt động khi cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam bị chấm dứt hoạt động.

4. Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hoạt động, người đại diện theo pháp luật của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam phải hoàn tất mọi thủ tục có liên quan theo quy định pháp luật của Việt Nam, bao gồm: thanh toán

các khoản nợ, tiền thuế, tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, tiền thuê nhà; thanh lý tài sản, thanh lý hợp đồng; hoàn trả Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép, Giấy chứng nhận, con dấu tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong trường hợp đặc biệt, thời hạn này có thể kéo dài, nhưng không quá 60 ngày làm việc.

Chương V
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CƠ SỞ VĂN HÓA NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Quản lý nhà nước đối với các cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở cơ sở văn hóa nước ngoài, chi nhánh tại Việt Nam và các cơ quan liên quan trong việc cấp, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép, Giấy chứng nhận và quản lý, đình chỉ, chấm dứt hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài, chi nhánh tại Việt Nam.

3. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

4. Tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam định kỳ hàng năm và khi được yêu cầu.

Điều 22. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam theo thẩm quyền, chức năng và nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Quản lý chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có trụ sở tại địa phương.

2. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan quản lý cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam và hoạt động do cơ sở văn hóa nước ngoài và chi nhánh tại Việt Nam tổ chức tại địa phương.

3. Tổng hợp và báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tình hình và kết quả hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam khi được yêu cầu.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời hạn không quá 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở văn hóa nước ngoài và chi nhánh tại Việt Nam đã thành lập và đang hoạt động tại Việt Nam được tiếp tục hoạt động, đồng thời có trách nhiệm làm thủ tục để được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép, Giấy chứng nhận theo quy định tại Nghị định này.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.

2. Nghị định số 18/2001/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ quy định về lập và hoạt động của các cơ sở văn hóa, giáo dục nước ngoài tại Việt Nam hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ)

Tên mẫu	Nội dung
Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép, Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài, chi nhánh tại Việt Nam
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 05	Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 06	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 07	Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ)
TÊN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ
.....(1).....

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Nghị định số...../2018/NĐ-CP ngày.../.../2018 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ.....(2).....;

.....(1)..... trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động cho...(3).... với các nội dung như sau:

1. Tên Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
- Tên bằng tiếng Việt:.....
- Tên bằng tiếng Anh hoặc bằng tiếng quốc gia có đơn đề nghị:.....
- Tên viết tắt (nếu có):.....
- Địa chỉ (dự kiến) .....
- Điện thoại:..... Fax..... E-mail.....Website:.....

2. Tôn chỉ, mục đích hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....

3. Nội dung đăng ký hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....
- Giới tính: Nam/nữ.....
- Sinh ngày...../...../..... Quốc tịch.....
- Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp.....

Ngày hết hạn...../...../.....:.....

Kèm theo Đơn đề nghị này, gồm:

(1) Dự thảo Quy chế hoạt động;

(2) Dự kiến cơ cấu tổ chức bộ máy;

(3) Lý lịch của người đại diện theo pháp luật của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Chú thích:

(1) Tên cơ quan đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký;

(2) Tên điều ước quốc tế về việc thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

(3) Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu số 02

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA .....(1).....
Số:.....(2).....

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số..../2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ .....(3).....;

Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động cho..... (1)..... với những nội dung sau:

1. Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (tiếng Việt):.....(1).....

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....
- Tên viết tắt (nếu có):.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax..... Email:..... Website.....
- Người đại diện theo pháp luật:

+ Họ và tên:.....
+ Ngày sinh: ...../...../..... Quốc tịch.....
+ Hộ chiếu số:.....
+ Ngày cấp...../..../..... Nơi cấp:.....
+ Ngày hết hạn...../..../.....:.....
+ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam: (nếu có) .....

2. Nội dung hoạt động:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký có hiệu lực: từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày... tháng... năm.....

4. .....(1)..... hoạt động theo quy định tại Nghị định số...../2018/NĐ-CP ngày.... tháng... năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam./.

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;
(2) Số Giấy chứng nhận đăng ký;
(3) Tên điều ước quốc tế về việc thành lập cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu số 03

...(1)... ..... *ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký/Giấy phép/Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của.....(2)/(3).....

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

....(2)/(3)... đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký/Giấy phép/Giấy chứng nhận số..... ngày..... tháng..... năm.....

...(1)... trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký/Giấy phép/Giấy chứng nhận cho....(2)/(3)... với các nội dung sau:

Nội dung đề nghị:.....(4).....

Lý do:.....(5).....

...(1)... cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đề nghị.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam./.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
.....(1)....
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Tên của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đề nghị thành lập cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam hoặc cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;
(2) Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;
(3) Tên chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;
(4) Nội dung đề nghị (cấp lại hoặc gia hạn);
(5) Lý do đề nghị (cấp lại hoặc gia hạn).

Mẫu số 04

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ)
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP...(1)...

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Nghị định số...../2018/NĐ-CP ngày.../.../2018 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

- Đối với cơ quan, tổ chức:

+ Tên của cơ quan, tổ chức nước ngoài (1):.....

+ Giấy chứng nhận hoặc quyết định thành lập:.....

+ Địa chỉ trụ sở chính ở nước ngoài:.....

+ Điện thoại:..... Fax..... E-mail.....Website:.....

+ Lĩnh vực đang hoạt động:.....

+ Tóm tắt quá trình phát triển của cơ quan, tổ chức nước ngoài:.....

- Đối với cá nhân:

+ Họ và tên:.....(2).....

+ Ngày tháng năm sinh:.....

+ Quốc tịch:.....

+ Địa chỉ thường trú tại nước ngoài:.....

+ Hộ chiếu số:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... cơ quan cấp.....

+ Lý lịch tư pháp số (hoặc văn bản có giá trị tương đương):..... cấp ngày... tháng... năm..... cơ quan cấp.....

.....(1) hoặc (2)..... trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho...(3)... với các nội dung như sau:

1. Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

- Tên bằng tiếng Việt:.....

- Tên bằng tiếng Anh hoặc bằng tiếng quốc gia có đơn đề nghị:.....

- Tên viết tắt (nếu có):.....

- Địa chỉ dự kiến:.....

- Điện thoại:..... Fax..... E-mail.....Website:.....

2. Tôn chỉ, mục đích hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....

3. Nội dung hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....

- Giới tính: Nam/nữ.....

- Sinh ngày...../...../..... Quốc tịch:.....

- Hộ chiếu số:.....

- Ngày cấp...../..../..... Nơi cấp:.....

- Ngày hết hạn...../..../.....:.....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ở nước ngoài (đối với cá nhân đề nghị):.....

- Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam: (nếu có).....

.....(1) hoặc (2)..... cam đoan những thông tin trên đây là hoàn toàn đúng sự thật....(1) hoặc (2)..... xin chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

Kèm theo Đơn đề nghị này, gồm:

(1) Bản sao giấy chứng nhận tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức đứng tên đề nghị hoặc lý lịch tư pháp (hoặc văn bản có giá trị tương đương) của cá nhân đứng tên đề nghị;

(2) Dự thảo Quy chế hoạt động;

(3) Dự kiến cơ cấu tổ chức bộ máy;

(4) Lý lịch tư pháp (hoặc văn bản có giá trị tương đương) của người dự kiến sẽ được bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật (đối với trường hợp cá nhân đề nghị thành lập cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam); hoặc lý lịch của người dự kiến sẽ được bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (đối với cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam).

.....(1) hoặc (2).....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Chú thích:

(1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép (Đối với cơ quan, tổ chức);

(2) Họ và tên người đề nghị cấp Giấy phép (Đối với cá nhân);

(3) Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu số 05

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA.....(1).....
Số:.....(2).....

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số..../2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho.....(1)..... với những nội dung sau:

1. Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (tiếng Việt):.....(1).....
- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....
- Tên viết tắt (nếu có):.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax..... Email:..... Website.....
- Người đại diện theo pháp luật:
+ Họ và tên:.....
+ Ngày sinh:...../...../..... Quốc tịch.....
+ Hộ chiếu số:.....
+ Ngày cấp...../..../..... Nơi cấp:.....
+ Ngày hết hạn...../..../.....:.....
+ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam: (nếu có).....

2. Nội dung hoạt động:.....

3. Giấy phép có hiệu lực: từ ngày.... tháng... năm... đến ngày... tháng.... năm.....

4. .....(1)..... hoạt động theo quy định tại Nghị định số...../2018/NĐ-CP ngày.... tháng... năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam./.

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;
(2) Số Giấy phép.

Mẫu số 06

...(1)... ..... *ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh.....(1).....

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

....(1)... đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký/Giấy phép số..... ngày... tháng... năm.....

...(1)... trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phép thành lập chi nhánh như sau:

1. Tên chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

- Tên bằng tiếng Việt:.....
- Tên bằng tiếng Anh hoặc bằng tiếng quốc gia có đơn đề nghị:.....
- Tên viết tắt (nếu có):.....
- Địa chỉ dự kiến:.....
- Điện thoại:..... Fax..... E-mail..... Website:.....

2. Tôn chỉ, mục đích hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....

3. Nội dung hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....

4. Họ tên người đứng đầu chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....

- Giới tính: Nam/nữ.....
- Sinh ngày...../...../..... Quốc tịch:.....
- Hộ chiếu số:.....
- Ngày cấp...../..../..... Nơi cấp:.....
- Ngày hết hạn...../..../.....:.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ở nước ngoài (đối với cơ sở văn hóa nước ngoài do cá nhân đề nghị thành lập):.....
- Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam: (nếu có).....

..... (1).... cam đoan những thông tin trên đây là hoàn toàn đúng sự thật.... (1)... xin chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
.....(1)....
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu số 07

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA.....(1).....
Số:.....(2).....

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số..../2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký/Giấy phép của.....(3).....

Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động cho.....(1)..... với những nội dung sau:

1. Tên Chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (tiếng Việt):.....(1).....
- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....
- Tên viết tắt (nếu có):.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Fax..... Email:..... Website.....
- Người đứng đầu chi nhánh:
+ Họ và tên:.....
+ Ngày sinh:...../...../..... Quốc tịch.....
+ Hộ chiếu số:.....
+ Ngày cấp...../..../..... Nơi cấp:.....
+ Ngày hết hạn...../..../.....:.....
+ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam: (nếu có).....

2. Nội dung hoạt động:.....

3. Giấy chứng nhận có hiệu lực: từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày... tháng..... năm.....

4. .....(1)..... không có tư cách pháp nhân, hoạt động theo nội dung và thời hạn ủy quyền của.....(3)....., quy định tại Nghị định số...../2018/NĐ-CP ngày.... tháng... năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam./.

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;
(2) Số Giấy chứng nhận;
(3) Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.